TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2019/HN-ST
Ngày: 28 - 5 - 2019
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Dương Thị Phụng

Bà Võ Thị Mỹ Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trà My - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long tham gia phiên tòa: (Không tham gia)

Ngày 28 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2019/TLST-HNGĐ ngày 12/02/2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 285/2019/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Ngọc T, sinh năm 1977 (có mặt)

Nơi cư trú: số nhà B, Khóm H, Phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long

- *Bị đơn:* Ông Lâm Thiện P, sinh năm 1967 (vắng mặt)

Nơi cư trú: số nhà B, Khóm H, Phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/01/2019 và quá trình giải quyết vụ án, bà Lê Ngọc T trình bày:

Bà T và ông Lâm Thiện P đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 67/HT, quyển số 01/2003 ngày 13/5/2003, tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố C, tỉnh A. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2015, do bất đồng kinh tế, tình cảm. Bà T yêu cầu ly hôn ông P.

Vợ chồng có 02 con chung tên Lâm Thiện T, sinh ngày 11/12/2003 và Lâm Lê Tuyết N, sinh ngày 27/10/2009. Khi ly hôn, bà T yêu cầu nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu ông P cấp dưỡng con chung. Tài sản chung: Tự

thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Không có.

Đối với bị đơn Lâm Thiện P: Tòa án tiến hành tống đạt, niêm yết Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án không nhận văn bản trình bày ý kiến của ông P gửi Tòa án. Tòa án cũng không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được do ông P vắng mặt hai lần, không có lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; không bổ sung tài liệu, chứng cứ gì thêm. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà T là người có quyền khởi kiện ông Lâm Thiện P tranh chấp ly hôn. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại thành phố V, nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai, dù đã được triệu tập hợp lệ. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông P. Hội đồng xét xử xác định thủ tục tố tụng trong vụ án đảm bảo quy định tại các Điều 28, 35, 39, 186, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bà T xác định mâu thuẫn vợ chồng kéo dài từ năm 2015, do bất đồng kinh tế, tình cảm, nay không còn tình cảm, yêu cầu ly hôn ông P. Ông P không cung cấp văn bản trình bày ý kiến phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu do nguyên đơn đưa ra.

Xét thấy, tình cảm vợ chồng của bà T, ông P không còn sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không còn sự tự nguyện của bà T. Tình trạng mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2015 nhưng hai bên không tìm ra giải pháp để hòa hợp, hàn gắn tình cảm. Vì vậy, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về việc ly hôn ông Lâm Thiện P.

[3] Về con chung: Tòa án đã thu thập ý kiến hai cháu Lâm Thiện T, Lâm Lê Tuyết N thể hiện nguyện vọng muốn sống cùng mẹ là bà T. Hội đồng xét xử nhận thấy, hai cháu Lâm Thiện T, Lâm Lê Tuyết N thực tế đang do bà T trực tiếp nuôi dưỡng, nên giao hai con chung cho bà T nuôi dưỡng là phù hợp. Bà T không yêu cầu ông P cấp dưỡng con chung, nên không buộc ông P thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng con chung.

[4] Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Nợ chung: Không có. Án phí: Bà T nộp 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 92, 147, 186, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm

2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Ngọc T.

Bà Lê Ngọc T và ông Lâm Thiện P ly hôn với nhau.

Con chung: Buộc ông Lâm Thiện P giao bà Lê Ngọc T nuôi dưỡng hai con chung tên Lâm Thiện T, sinh ngày 11/12/2003 và Lâm Lê Tuyết N, sinh ngày 27/10/2009. Ông Lâm Thiện P không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng hai con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

2. Buộc bà Lê Ngọc T nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số No 0004317 ngày 31/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V nên bà Lê Ngọc T không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh: 1;
- Viện kiểm sát: 1;
- Chi cục Thi hành án: 1;
- Đương sự: 2;
- UBND phường N, tp C, tỉnh A: 1;
- Lưu: 5.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Vân